

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-PT
Ngày 28 - 7 -2023
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng
Ông Nguyễn Quốc Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2023/QĐ-PT ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Số 37 đường Quốc Lộ 1A ấp Đ, xã Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lâm Thế L**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Lý Thị Xuân L (Mai Hương)**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 11 B7- Đường số 5, Khu dân cư Lê Thìn, số 24 An Vương Dương, khóm 1, phường 10, tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lâm Thế K**, sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 38 đường Quốc Lộ 1A ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Lâm Minh Đ**; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà **Lâm Thị Xuân D**; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 38 đường Quốc Lộ 1A ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông **Lâm Thế L**, sinh năm 1979; (Có mặt)

5. Bà **Lâm Thị Trúc O**, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

6. Ông **Lâm Ngọc H**, sinh năm 2003. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 37 đường Quốc Lộ 1A ấp Đ, xã Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Bà O ủy quyền cho ông Lâm Thế L, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lý Thị Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2019, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy của nguyên đơn ông Lâm Thế L trình bày:

Vào khoảng tháng 9/2019 bà Lý Thị Xuân L (là con dâu bà Trần Thị T) lấy chấu bông rào thành 02 hàng chiếm con đường đi của bà T, chiều ngang 05m, dài 02 đoạn là 16m, ngoài ra bà L còn chiếm đường thoát nước của bà T ngang 02m, dài 28m cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chấu bông, đào đất đã đắp trả cho lại bà T phần đất đường đi có diện tích là 32m² và phần đường thoát nước có diện tích là 56m², cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Trần Thị T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, đồng thời buộc bà L di dời chấu bông và đào phần đất đã đắp con đường nước trả lại cho bà T hiện trạng ban đầu.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chấu bông, đào đất đã đắp đường thoát nước trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32.20m² và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70.10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lý Thị Xuân L:

Vào năm 1986 bà và chồng bà là ông Lâm Thế K cưới nhau, đến năm 2001 bà T là mẹ chồng của bà có cho vợ chồng bà phần đất là cái nền nhà, đến năm 2004 bà cất nhà ở trên phần đất được cho. Khi cho đất bà T có cất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là chồng của bà đứng tên và ông Lâm Thế K đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00443 ngày 26 tháng 10 năm 2001 đối với thửa số 1114 tờ bản đồ số 8 diện tích là 90m² tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đối với phần đường đi và phần đường nước bà T yêu cầu bà trả lại cho bà T là thuộc phần đất mà bà T đã cho vợ chồng bà.

Nay bà Trần Thị T yêu cầu bà di dời chậu bông, đào đất đã đắp trả lại cho bà T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² và phần đường thoát nước có diện tích là 70,10m² bà không đồng ý vì các phần đất này thuộc phần đất mà bà T đã cho vợ chồng bà và hiện nay bà T cũng có đường đi khác bên đất bà T chứ không phải là không có đường đi.

- ***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Xuân D trình bày:*** Bà Diễm thống nhất với lời trình bày của bà L, không có ý kiến khác.

- ***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thế K trình bày:*** Ông K thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

- ***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh Đ:*** Không có ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng án sơ thẩm tuyên như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 5 Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu bị đơn bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chậu bông, khôi phục lại đường thoát nước và tháo dỡ các công trình kiến trúc để trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Buộc bà Lý Thị Xuân L, ông Lâm Thế K và bà Lâm Thị Xuân D có trách nhiệm:

- Di dời các chậu bông, tháo dỡ các công trình kiến trúc (01 mái che diện tích (4m x 4,1)m², kết cấu mái tol, đỡ mái thép, cốt thép; nền xi măng: diện tích (4 x 5,9)m², kết cấu nền lát xi măng) và trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m²(phần C theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.(Có sơ đồ vị trí kèm theo)

Có số đo từ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế L, có số đo 08 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, có số đo 08 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 04 m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Thế K có số đo 04 m.

- Khôi phục lại đường thoát nước, tháo dỡ công trình kiến trúc để trả lại hiện trạng ban đầu cho nguyên đơn bà Trần Thị T phân đất là đường thoát nước (nền xi măng diện tích $(27,3 \times 2)m^2$, kết cấu nền lát xi măng; 02 bồn cầu bằng ống cống bê tông cốt thép đường kính 800, dài 02m) và trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phân đất là đường thoát nước có diện tích là $70.10m^2$ (phần B theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có sơ đồ vị trí kèm theo)

Có số đo từ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế K, có số đo 34,15 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất bà Chung Thị Kim Nhiên, có số đo 38,5m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 1,9m;

+ Hướng Bắc giáp bà Chung Thị Ngọc Tuyết có số đo 3,2m.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.530.071 đồng bị đơn bà Lý Thị Xuân L phải chịu. Do nguyên đơn bà Trần Thị T đã nộp cho nên bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T số tiền 3.530.071 đồng.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lý Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/4/2023, bị đơn bà Lý Thị Xuân L nộp trực tiếp đơn kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T và công nhận đường đi có diện tích $70,10m^2$; sân trước có diện tích $32,20m^2$ thuộc thửa số 741 tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Không đồng ý di dời, tháo dỡ các vật kiến trúc công trình trên các phần đất nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 17/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên mở phiên tòa xét xử vụ án và tuyên án vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày. Khi xét xử nguyên đơn, bị đơn có mặt; Đến ngày 26/4/2023 bị đơn bà Lý Thị Xuân L kháng cáo; Thông báo số 03/TB-TA ngày 26/4/2023, về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Thông báo kháng cáo số 13/TB-TA ngày 04/5/2023. Đến ngày 15/6/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án số 93 đối với các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông Lâm Xuân Đức, bà Lâm Thị Xuân D. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lý Thị Xuân L gửi trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên vào ngày 26/4/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lý Thị Xuân L kháng cáo theo hướng sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận đường đi có diện tích 70,10 m²; sân trước có diện tích 32,20 m² thuộc thửa số 741 tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Không đồng ý di dời, tháo dỡ các vật kiến trúc công trình trên các phần đất nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

*** Về nội dung:**

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lý Thị Xuân L yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về nội dung vụ án:

Vào khoảng tháng 9/2019 bà Lý Thị Xuân L (là con dâu bà Trần Thị T) lấy chậu bông rào thành 02 hàng chiếm con đường đi của bà T phần đất có diện tích là 32,20m² , ngoài ra bà L còn chiếm đường thoát nước của bà T phần đất có diện tích 70,10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chậu bông, đào đất đã đắp đường thoát nước trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Lý Thị Xuân L không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì phần đất đang tranh chấp là thuộc phần đất mà bà T đã cho vợ chồng bà.

[3.2] Về chứng cứ:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B233340, ngày 16/3/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp cho bà Trần Thị T đối với thửa số 741 tờ bản đồ số 08 diện tích 610m², tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Lý Thị Xuân L cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00443, ngày 26/10/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp cho Lâm Thế K đối với thửa số 1114 tờ bản đồ số 08 diện tích 90m², tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì phần đất tranh chấp được xác định như sau:

- Phần đất tranh chấp là lối đi trước nhà ông Lâm Thế K có diện tích là 32,20m² (đã trừ phạm vi giải phóng mặt bằng) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế L có số đo 08 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, có số đo 08 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 04 m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Thế K có số đo 04 m.

Trên đất tranh chấp có 01 mái che diện tích (4m x 4,1)m², kết cấu mái tole, đỡ mái thép, cột thép; Nền xi măng: Diện tích (4 x 5,9)m², kết cấu nền lát xi măng.

- Phần đất tranh chấp là lối đi có diện tích là 70,10 m² thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế K, có số đo 34,15 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất bà Chung Thị Kim Nhiên, có số đo 38,5 m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 1,9 m;

+ Hướng Bắc giáp bà Chung Thị Ngọc Tuyết có số đo 3,2 m.

Trên phần đất tranh chấp có: Nền xi măng diện tích (27,3x2) m², kết cấu nền lát xi măng; 02 bồn cầu bằng ống cống bê tông cốt thép đường kính 800, dài 02m của bà Lý Thị Xuân L.

- Phần đất ông Lâm Thế K đang sử dụng có diện tích là 91,30m² thuộc thửa 1114, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế L, có số đo 22,6 m;

+ Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, có số đo 22,6 m;

+ Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, có số đo 04 m;

+ Hướng Bắc giáp đất bà Chung Thị Ngọc Tuyết có số đo 04,6 m.

Các đương sự thống nhất với kết quả thẩm định không có ý kiến gì khác.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Xuân L trả lại phần đất đường đi (phần đất trước nhà ông K) có diện tích là 32,20m² và phần đất đường thoát nước có diện tích là 70,10m².

[5.1] Phần đất của hộ ông Lâm Thế K tại thửa số 1114, tờ bản đồ số 08, có diện tích là 90 m² tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là do bà Trần Thị T cho ông K và hộ ông K đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00443, ngày 26/10/2001. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận về nguồn gốc đất tại thửa 1114, tờ bản đồ số 08 nói trên là của bà T đã cho ông K nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5.2] Theo biên bản thẩm định ngày 03/3/2020 (BL 96), sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020 (BL 98) xác định: Phần đất tranh chấp trước nhà ông Lâm Thế K có diện tích là 32,20m², phần đất tranh chấp là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² cùng thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và có số đo tứ cận như đã nêu ở đoạn [4].

[6] Nguyên đơn bà Trần Thị T cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B233340, ngày 16/3/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã cấp cho bà Trần Thị T thể hiện thửa số đất số 741 tờ bản đồ số 08 diện tích 610 m², tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị T. Như vậy nguyên đơn đã chứng minh được phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Ngoài ra trong quá trình giải quyết ông Lâm Thế K thừa nhận phần đất tranh chấp là của nguyên đơn bà Trần Thị T, ông chỉ sử dụng phần đất mà ông được bà T cho theo giấy chứng nhận QSDĐ ông được cấp, ông đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn bà Trần Thị T.

[7] Việc bị đơn bà Lý Thị Xuân L dùng chậu bông rào chắn lối đi và đắp chặn đường thoát nước trên phần đất tại thửa số 741, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị T và đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Trần Thị T.

Cho nên, nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chậu bông, khôi phục lại đường thoát nước và tháo dỡ các công trình kiến trúc để trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ.

[8] Do các phần đất đang tranh chấp này hiện nay do bà Lý Thị Xuân L, ông Lâm Thế K và con là bà Lâm Thị Xuân D đang quản lý, sử dụng nên buộc bà Lý Thị Xuân L, ông Lâm Thế K và bà Lâm Thị Xuân D có trách nhiệm di dời chậu bông, khôi phục lại đường thoát nước, tháo dỡ các công trình kiến trúc trên các phần đất tranh chấp để trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² (phần C theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² (phần B theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Bị đơn Lý Thị Xuân L cho rằng các phần đất đang tranh chấp với nguyên đơn bà Trần Thị T là thuộc phần đất mà bà T đã cho vợ chồng bà và bà T còn có đường đi khác để đi vào đất của bà T. Xét thấy, căn cứ vào biên bản thẩm định ngày 03/3/2020(BL 96), sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020 (BL 98) thì phần đất ông K, bà L đang sử dụng có diện tích là 91.30m²thuộc thửa 1114, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00443, ngày 26/10/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã cấp cho hộ ông Lâm Thế K thì thửa số 1114 tờ bản đồ số 08 có diện tích là 90m² và các phần đất tranh chấp không thuộc thửa số 1114 của hộ ông Lâm Thế K mà thuộc thửa số 741 của bà Trần Thị T. Do đó, lời trình bày này của bị đơn bà Lý Thị Xuân L là không có căn cứ.

[10] Ngoài ra, bà Lý Thị Xuân L còn cho rằng đối với phần đất tranh chấp lối đi là trước sân nhà của bà, bao quanh đất của gia đình bà là đất của bà Trần Thị T nếu bà T rào lại thì gia đình bà không có đường đi ra. Cũng như không yêu cầu phản tố công nhận 02 phần đất tranh chấp nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là hoàn toàn có cơ sở.

[6] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn bà Lý Thị Xuân L không có cơ sở, cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, cho nên người kháng cáo bà Lý Thị Xuân L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lý Thị Xuân L và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 5 Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu bị đơn bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm di dời chấu bông, khôi phục lại đường thoát nước và tháo dỡ các công trình kiến trúc để trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² và phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Buộc bà Lý Thị Xuân L, ông Lâm Thế K và bà Lâm Thị Xuân D có trách nhiệm:

- Di dời các chấu bông, tháo dỡ các công trình kiến trúc (01 mái che diện tích (4m x 4,1)m², kết cấu mái tol, đỡ mái thép, cốt thép; nền xi măng: diện tích (4 x 5,9)m², kết cấu nền lát xi măng) và trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất đường đi có diện tích là 32,20m² (phần C theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có sơ đồ vị trí kèm theo)

Có số đo từ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế L, có số đo 08m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, có số đo 08m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 04m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Thế K có số đo 04m.

- Khôi phục lại đường thoát nước, tháo dỡ công trình kiến trúc để trả lại hiện trạng ban đầu cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất là đường thoát nước (nền xi măng diện tích (27,3x2)m², kết cấu nền lát xi măng; 02 bồn cầu bằng ống cống bê tông cốt thép đường kính 800, dài 02m) và trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T phần đất là đường thoát nước có diện tích là 70,10m² (phần B theo sơ đồ vị trí ngày 10/3/2020) cùng thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có sơ đồ vị trí kèm theo)

Có số đo từ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lâm Thế K, có số đo 34.15 (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Tây giáp phần đất bà Chung Thị Kim Nhiên, có số đo 38,5m (tính từ mốc phạm vi giải phóng mặt bằng);

+ Hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 1,9m;

+ Hướng Bắc giáp bà Chung Thị Ngọc Tuyết có số đo 3,2m.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.530.071 đồng bị đơn bà Lý Thị Xuân L phải chịu. Do nguyên đơn bà Trần Thị T đã nộp nên bà Lý Thị Xuân L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T số tiền 3.530.071 đồng.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lý Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Xuân L phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0007456 ngày 26/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã thực hiện xong án phí phí phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không ghi trong quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III/ Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Phòng KT-NV;
- Tòa DS;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ